

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/KDTM-PT
Ngày 25-8-2026
“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Danh

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Đoan Trang

Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Hà Thị Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 15/2026/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2026/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 146/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T2 (viết tắt là G); địa chỉ: Số A Bà T, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thế K – Trưởng bộ phận xử lý nợ pháp lý Phòng thu hồi nợ và ông Nguyễn Bá H – Chuyên viên phòng thu hồi nợ là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền lại số 688 ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Trưởng phòng thu hồi nợ); ông H (có mặt), ông K (vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH T3 (viết tắt là Công ty T3); địa chỉ: Ngách A, ngõ F đường N, phường P, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Huy T - Giám đốc, (vắng mặt).

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2025 và quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng G trình bày:

Ngày 16/05/2024, giữa Ngân hàng T4 – Chi nhánh T5 (nay là Ngân hàng T2) và Công ty TNHH T3 (viết tắt là Công ty T3) đã ký Hợp đồng tín dụng số 0374/2024/TDO22/HDTD với tổng giá trị cho vay không vượt quá: 677.000.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng chẵn); thời gian vay vốn: 84 tháng (kể từ ngày 17/05/2024 đến ngày 16/05/2031); lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất điều chỉnh theo Chương trình “Vay ưu đãi – vững tương lai” theo Công văn số 657/2024/TGD-NHDK15+10+12+13 ngày 02/05/2024. Lãi suất ưu đãi cố định trong 18 tháng đầu là 7.5%/năm. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, tuân thủ theo chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả lãi: Bên vay phải trả lãi chậm trả tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian lãi chậm trả. Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua ô tô tải pickup cabin kép, nhãn hiệu NISSAN, số loại: NAVARA VL, màu trắng, 05 chỗ ngồi, sản xuất tại Thái Lan. Hình thức trả nợ: Gốc, lãi trả vào ngày 15 hàng tháng; ngày đầu tiên trả gốc, lãi là ngày 15/06/2024. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ trả nợ sẽ không được áp dụng lãi suất vay theo chương trình ưu đãi; Thực trạng giải ngân: Căn cứ Giấy nhận nợ số 0374/2024/TDO22/GNN001 ngày 16/05/2024, và Công ty TNHH T3 đã được G giải ngân số tiền 667.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là 01 ô tô tải pickup cabin kép màu trắng, nhãn hiệu: NISSAN, số loại: NAVARA VL, số chỗ ngồi: 05, số khung: MNTCBND23Z0002154, số máy YS23472950A, biển kiểm soát: 88C-275.28 sản xuất tại Thái Lan theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0084/2024/HĐTC/GPB-TDO22 ngày 14/05/2024.

Quá trình giải quyết khoản nợ: Ngày 15/07/2024, khoản vay theo Hợp đồng tín dụng trên của Công ty T3 chuyển nợ quá hạn. Kể từ thời điểm Công ty T3 phát sinh nợ quá hạn, G đã nhiều lần làm việc và yêu cầu Công ty T3 và người liên quan thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và có biên bản làm việc kèm theo. Công ty T3 đã rất nhiều lần cam kết về kế hoạch trả nợ. Tuy nhiên, đến nay Công ty T3 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết, cố ý trốn tránh, không hợp tác với Ngân hàng để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Do đó Ngân hàng G yêu cầu Công ty TNHH T3 thanh toán cho Ngân hàng T2 tổng số tiền 698.511.536 đồng, trong đó nợ gốc là 576.932.218 đồng; nợ lãi quá hạn là 121.579.318 đồng.

Buộc Công ty TNHH T3 tiếp tục thanh toán lãi quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 16/5/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày Q định/Bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH T3 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền

yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay, tài sản bảo đảm là 01 ô tô tải pickup cabin kép màu trắng, nhãn hiệu: NISSAN, số loại: NAVARA VL, số chỗ ngồi: 05, số khung: MNTCBND23Z0002154, số máy YS23472950A, biển kiểm soát: 88C-275.28 sản xuất tại Thái Lan.

Nếu số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Công ty TNHH T3 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T2 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH T3 - ông Nguyễn Huy T1 trình bày: Công ty TNHH T3 ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng T4 (nay là Ngân hàng T2) với số tiền vay là 667.000.000 đồng; mục đích là mua 01 xe ô tô tải pickup kép màu trắng, nhãn hiệu NISSAN, loại NAVARA VL Biển kiểm soát 88C-275.28 để phục vụ hoạt động kinh doanh; thời hạn vay 84 tháng lãi suất ưu đãi vay cố định trong 18 tháng đầu là 7,5%/năm và lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, tuân thủ theo chính sách lãi của ngân hàng tại từng thời kỳ; lãi suất phạt quá hạn là 150%/năm; lãi chậm trả tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là 10%/năm. Để đảm bảo khoản vay Công ty TNHH T3 thế chấp 01 ô tô ô tô tải pickup cabin kép màu trắng, nhãn hiệu: NISSAN, số loại: NAVARA VL, số chỗ ngồi: 05, số khung: MNTCBND23Z0002154, số máy YS23472950A, biển kiểm soát: 88C-275.28 sản xuất tại Thái Lan này để bảo lãnh khoản vay. Quá trình công ty làm ăn thua lỗ nên công ty mới trả được một phần tiền gốc và tiền lãi. Do Công ty hiện tại gặp khó khăn nên không thể thanh toán một lúc số tiền gốc và lãi trên được nên đề nghị Ngân hàng G cho Công ty T3 trả toàn bộ số tiền trên vào ngày 03/5/2026 và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ.

Với nội dung như trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2026/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ đã quyết định: Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự; Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 299 và Điều 303 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2, 3, 4 Điều 8; điểm a khoản 1 khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T2.

Buộc Công ty TNHH T3 trả nợ cho Ngân hàng T2 số tiền gốc, tiền lãi và lãi phạt quá hạn, lãi chậm trả tính đến hết ngày 15/5/2026 là 698.511.536 đồng

(Sáu trăm chín mươi tám triệu năm trăm mười một nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 576.932.218 đồng; nợ lãi quá hạn là 121.579.318 đồng và tiếp tục trả lãi kể từ ngày 16/5/2026 theo mức lãi suất quá hạn là 15,3%/ năm trên số tiền nợ gốc cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp Công ty TNHH T3 không trả được số tiền nợ nêu trên thì Ngân hàng T2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0084/2024/HĐTC/GPB-TD022 ngày 14/5/2024, sau khi thu hồi được tài sản thế chấp là 01 ô tô tải pickup cabin kép màu trắng, nhãn hiệu: NISSAN, số loại: NAVARA VL, số chỗ ngồi: 05, số khung: MNTCBND23Z0002154, số máy YS23472950A, biển kiểm soát: 88C-275.28 sản xuất tại Thái Lan để thu hồi nợ.

Trường hợp việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để Ngân hàng T2 thu hồi nợ, Công ty TNHH T3 tiếp tục phải trả nợ cho Ngân hàng T2 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/5/2026 nguyên đơn Ngân hàng G kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về phần lãi suất quá hạn theo mức lãi suất 24%/năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn sửa đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị Công ty T3 phải chịu lãi suất quá hạn kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong với mức lãi suất quá hạn là 24%/năm trên số tiền nợ gốc theo Thông báo số 324 ngày 22/4/2025 của Ngân hàng G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng G là hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 16/05/2024, giữa Ngân hàng T4 – Chi nhánh T5 (Nay Ngân hàng T2) và Công ty TNHH T3 đã ký Hợp đồng tín dụng số 0374/2024/TDO22/HĐTD, giấy nhận nợ số 0374/2024/TDO22/GNN001 theo đó Ngân hàng cho Công ty T3 vay số tiền 667.000.000 đồng; lãi suất cho vay cố định trong 18 tháng đầu là 7,5%/năm; lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định theo thông báo của Ngân hàng tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, tuân thủ theo chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay

trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty T3 đã trả được 90.067.782 đồng tiền gốc và lãi. Do không trả được gốc và lãi theo thỏa thuận nên Ngân hàng G khởi kiện yêu cầu Công ty T3 thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 698.511.536 đồng, trong đó nợ gốc là 576.932.218 đồng và nợ lãi quá hạn là 121.579.318 đồng.

Với nội dung nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng G, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, đại diện Ngân hàng G căn cứ vào thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng để xác định lãi suất trong hạn là 10,2% và lãi suất quá hạn là 15,3% tương ứng với 150% của mức lãi suất trong hạn. Ngân hàng yêu cầu Công ty T3 phải trả tổng số tiền là 698.511.536 đồng, trong đó nợ gốc là 576.932.218 đồng và nợ lãi quá hạn là 121.579.318 đồng. Yêu cầu của Ngân hàng về mức lãi suất quá hạn 15,3% là đúng với sự thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty T3 phải trả 121.579.318 đồng tiền lãi quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng yêu cầu Công ty T3 chỉ phải trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất 15,3% cho đến khi trả nợ xong. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty T3 còn phải có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất 15,3% cho đến khi thi hành án xong là đúng pháp luật.

Vì vậy, Ngân hàng căn cứ vào Thông báo số 324 ngày 22/4/2025 để yêu cầu Công ty T3 phải chịu lãi suất quá hạn với mức 24%/năm trên số nợ gốc kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong là không có cơ sở. Bởi lẽ, Ngân hàng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và việc thay đổi yêu cầu về mức lãi suất quá hạn tại phiên tòa phúc thẩm là không có lý do chính đáng nên không được chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên thấy rằng, yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên “Trường hợp việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để Ngân hàng T2 thu hồi nợ, Công ty TNHH T3 tiếp tục phải trả nợ cho Ngân hàng T2 cho đến khi thanh toán hết nợ” là không đúng, đây là quyền của đương sự tại cơ quan thi hành án, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng T2 (Ngân hàng G); giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2026/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T2 (Ngân hàng G).

Buộc Công ty TNHH T3 phải trả cho Ngân hàng T2 tổng số tiền 698.511.536 đồng (Sáu trăm chín mươi tám triệu năm trăm mười một nghìn năm trăm ba mươi sáu đồng), trong đó số tiền gốc là 576.932.218 đồng và tiền lãi quá hạn là 121.579.318 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ngày 16/5/2026, cho đến khi thi hành xong, Công ty TNHH T3 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc 576.932.218 đồng (Năm trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm ba mươi hai nghìn hai trăm mười tám đồng) theo mức lãi suất 15,3%/năm.

2. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0084/2024/HĐTC/GPB-TD022 ngày 14/5/2024 giữa Ngân hàng G với Công ty TNHH T3 có hiệu lực pháp luật.

Tài sản thế chấp là 01 ô tô tải pickup cabin kép màu trắng, nhãn hiệu: NISSAN, số loại: NAVARA VL, số chỗ ngồi: 05, số khung: MNTCBND23Z0002154, số máy YS23472950A, biển kiểm soát: 88C-275.28 sản xuất tại Thái Lan.

3. Về án phí:

Ngân hàng T2 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng T2 số tiền 14.740.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005680 ngày 19/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Công ty TNHH T3 phải chịu là 31.940.400 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm bốn mươi nghìn bốn trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng T2 phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0005146 ngày 02/6/2026. Xác nhận đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36 và 72 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 9 – Phú Thọ;
- VKSND khu vực 9 – Phú Thọ;
- Chi cục THADS khu vực 9 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Danh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Thành

Nguyễn Xuân Trọng

Nguyễn Thanh Danh

Hơn nữa, Thông báo số 324 ngày 22/4/2025 có nội dung không phù hợp với Quyết định số 1201/2024/QĐ-TGD ngày 12/12/2024 của Tổng giám đốc Ngân hàng G về việc ban hành “các biểu lãi suất áp dụng tại các chi nhánh trong hệ thống G”, theo đó sàn lãi suất cho vay là 10.2%/năm. Thông báo của Ngân hàng G - Chi nhánh T5 không phải là căn cứ sửa đổi thỏa thuận về cách xác định lãi suất quá hạn trong Hợp đồng tín dụng. Trong Hợp đồng tín dụng đã quy định riêng về lãi suất quá hạn theo mốc thời gian cụ thể là “Tại thời điểm chuyển nhượng quá hạn”. Do đó không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của Ngân hàng G về yêu cầu tính lãi suất quá hạn 24%/năm.

